

Số: 54 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện  
Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số: 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Lương Tài và Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-SXD ngày 06/01/2025 của Sở Xây dựng về Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh về các nội dung họp ngày 07/01/2025 tại Thông báo số 01 -TB/BCSĐ ngày 07/01/2025;

Căn cứ Kết luận tại Phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 01 theo Thông báo số 01/TB-UBND ngày 07/01/2025;

Căn cứ Kết luận số 1352-KL/TU ngày 24/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch:

a) Luận cứ, cơ sở hình thành phạm vi ranh giới: Theo Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Lương Tài, với 12 đơn vị hành chính trực thuộc, được giới hạn như sau: Phía đông giáp tỉnh Hải Dương; phía tây giáp huyện Thuận Thành; phía bắc giáp huyện Gia Bình và phía nam giáp huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

## b) Quy mô quy hoạch:

- Diện tích tự nhiên khoảng 105,9 km<sup>2</sup>.
- Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2030 khoảng 143.000 người, đến năm 2035 khoảng 164.450 người, đến năm 2050 khoảng 203.951 người.

## c) Thời hạn lập quy hoạch: Đến năm 2035, tầm nhìn quy hoạch đến năm 2050.

## 2. Mục tiêu phát triển vùng, tính chất:

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh, đưa ra những dự báo và định hướng chiến lược nhằm phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh (đặc biệt là lợi thế về vị trí tiếp giáp Sân bay Gia Bình – định hướng là Cảng hàng không) và những đặc thù của huyện, theo hướng phát triển toàn diện, đáp ứng tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao; phấn đấu đến năm 2030 huyện Lương Tài phát triển thành vùng kinh tế năng động, bền vững, phát triển các loại hình sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư và phát triển khu công nghiệp. Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị và nông thôn trong huyện, xây dựng các chương trình kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

- Đảm bảo đáp ứng các nội dung của đồ án Quy hoạch chung huyện theo Luật Quy hoạch đô thị và Nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

## 3. Tính chất:

- Là trọng tâm kinh tế khu vực phía nam tỉnh, là trung tâm phát triển công nghiệp công nghệ cao, thương mại, du lịch và kinh tế tri thức, nông nghiệp công nghệ cao và phát triển đô thị.

- Đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng (tiếp giáp sân bay Gia Bình) gắn với các trọng điểm kinh tế của cả nước.

- Có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh.

4. Xác định yêu cầu về tổ chức không gian đối với hệ thống đô thị, khu vực nông thôn, vùng và khu chức năng chủ yếu, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên phạm vi vùng:

## 4.1. Nghiên cứu định hướng tổ chức không gian vùng:

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của huyện trên cơ sở các dự báo, chương trình và kế hoạch và quy hoạch tỉnh.

- Tổ chức hệ thống các đô thị có định hướng lộ trình nâng cấp các đô thị, tốc độ đô thị hóa và định hướng phát triển tổng thể đô thị toàn huyện tận dụng, phát huy tối đa lợi thế từ động lực phát triển mạnh mẽ tiếp giáp Sân bay (Cảng hàng không) Gia Bình), các khu vực nông thôn, xác định cụ thể các khu vực dân cư phát triển mới; định hướng khai thác hiệu quả không gian xung quanh sân bay Gia Bình vào phát triển kinh tế - xã hội, kiến trúc cảnh quan dọc các trục cảnh quan thiên nhiên như sông Thái Bình, sông Thứa, sông Ngụ.

- Định hướng tổ chức không gian các cơ sở công nghiệp, thương mại dịch vụ phù hợp với điều kiện của địa phương và khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, lao động, hạ tầng.

- Định hướng các khu công nghiệp, khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: Xây dựng các khu công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao nhằm tạo ra các vùng sản xuất tập trung lớn.

- Định hướng hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao cấp huyện, cấp xã; khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị. Nghiên cứu mô hình đối với các trục động lực phát triển vùng dọc tuyến đường ĐT.280, ĐT.281 và ĐT.284.

- Đối với vùng trung tâm huyện thị trấn huyện lỵ: Làm rõ quan điểm, nguyên tắc, tiêu chí cho các giải pháp định hướng phát triển không gian vùng đô thị trung tâm làm tiền đề cho nghiên cứu quy hoạch sau này.

- Dự báo về quy mô đất đai theo từng giai đoạn cho khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu vực đặc thù. Tổng hợp bằng bảng biểu trong đó có tính toán cân bằng nhu cầu sử dụng đất đai theo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội dự báo.

#### 4.2. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Về định hướng giao thông: Cập nhật Quy hoạch chuyên ngành giao thông, Quy hoạch tỉnh về hệ thống đường giao thông trọng điểm kết nối sân bay Gia Bình và Thủ đô Hà Nội và các tuyến đường tỉnh, cảng đường thủy tại xã Trung Khê; đề xuất, tổ chức mô hình giao thông phù hợp (giao thông đường bộ kết hợp đường thủy). Đề xuất các giải pháp cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường huyện, đường trục xã đảm bảo kết nối giao thông và mục tiêu phát triển kinh tế; đề xuất mô hình giao thông công cộng, các bãi đỗ xe, bến xe trung tâm.

- Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật: Phân tích, đánh giá về địa hình, các biến động địa chất; các giải pháp về san nền, thoát nước, phòng chống và xử lý các biến động địa chất, ngập lụt; xác định lưu vực, hướng thoát nước chính.

- Về định hướng cấp nước: Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực đô thị đến năm 2035, phù hợp với quy hoạch xây dựng tỉnh; xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng hồ, đập, kênh tưới đa mục đích và các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm.

- Về định hướng cấp điện: Xác định tiêu chuẩn, dự báo nhu cầu sử dụng điện; lựa chọn cân đối nguồn điện, đề xuất các giải pháp cấp điện lưới truyền tải và phân phát điện, xác định mạng lưới cấp điện đến các trạm hạ thế, dự kiến quy mô, vị trí công trình đầu mối cho từng giai đoạn quy hoạch. Tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp chiếu sáng thông minh, đầu xuất sử dụng nguồn năng lượng khác (nếu có).

- Về định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị giai đoạn đến năm 2035 và dài hạn đến năm 2050. Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, và nghĩa trang cấp vùng huyện đảm bảo phát triển lâu dài đến cấp xã, đề xuất các giải pháp thực hiện, triển khai.

- Về định hướng hạ tầng viễn thông: Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động, dự kiến các công trình đầu mối theo từng giai đoạn quy hoạch, mở rộng hệ thống viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng theo từng đơn vị hành chính, đáp ứng phát triển kinh tế xã hội.



- Lập báo cáo tác động môi trường chiến lược: Xác định những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn, hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan, xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng, dự báo các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch, đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

4.3. Các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng vùng: Đề xuất các giải pháp về việc làm, an sinh xã hội, giao thông và nông nghiệp; đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư để phát triển kinh tế, đảm bảo mục tiêu theo quy hoạch đề ra.

5. Hồ sơ sản phẩm và chi phí lập quy hoạch:

- Hồ sơ sản phẩm đồ án theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Chi phí lập quy hoạch thực hiện theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

6. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan tổ chức lập: UBND huyện Lương Tài.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Tiến độ thực hiện: Thời gian lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài không quá 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

**Điều 2.** UBND huyện Lương Tài căn cứ Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch được phê duyệt để tổ chức lập đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, UBND huyện Lương Tài và các cơ quan đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận: *gca*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTTH;
- lưu: XDCB, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải